TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2020
V/v: Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Ứng Cương;

2. Bà Huỳnh Ph Lan.

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Võ Bích Ph**, sinh năm 1982

Địa chỉ : ấp H, xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

(Chị Ph có mặt tại phiên tòa).

* *Bị đơn:* Anh **Phan Văn S**, sinh năm 1979.

Địa chỉ : ấp H, xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh S vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Bích Ph trình bày: Chị và anh Phan Văn S cưới nhau vào nằm 1999, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau nên thường hay xảy ra cự cải. Anh S không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về đánh đập vợ, nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, tuy bản thân chị muốn duy trì cuộc hôn nhân này để chăm lo cho các con, nhưng cố gắng không thành nếu cứ duy trì mãi thì chỉ gây mâu thuẫn kéo dài.

Nhận thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị quyết định ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh S có 02 người con chung tên Phan Tiểu Ph2, sinh ngày 17-11-2000 và Phan Thành Tr, sinh ngày 16-7-2005, hiện nay cháu Ph2 đã trưởng thành, còn cháu Tr hiện nay đang sống cùng với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn về phần nợ chung thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Võ Bích Ph yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Phan Văn S.

- Về con chung: Chị Ph xác nhận hiện nay cháu Phan Tiểu Ph2, sinh ngày 17-11-2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu Phan Thành Tr, sinh ngày 16-7-2005 chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn S đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S đều không có mặt.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa Ph như sau:

Tại biên bản xác minh ban lãnh đạo ấp H, xã Th, huyện Ch, tỉnh K (BL số : 22) xác nhận: Anh Phan Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú ở ấp H, xã Th, huyện Ch, tỉnh Kiên G, hiện tại anh S vẫn còn sinh sống ở địa Ph. Chị Ph và anh S có kết hôn với nhau nhưng sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh S thường xuyên uống rượu nên vợ chồng thường xảy ra cự cải.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng (BL số: 21) trình bày : " vào khoảng năm 1999 thì vợ chồng S, Ph kết hôn với nhau nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong cuộc sống hôn nhân anh S thường xuyên uống rượu nên vợ chồng thường hay xảy ra cự cải..."

Tại phiên tòa chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S. Anh S vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị Võ Bích Ph: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn anh Phan Văn S: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Bích Ph và anh Phan Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thành Tr, sinh ngày 16-7-2005 cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Tr). Chị Ph không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Bích Ph khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Phan Văn S hộ khẩu thường trú ấp Hòa Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều

35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Ch đã triệu tập hợp lệ anh Phan Văn S đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh S vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh S là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Bích Ph và anh Phan Văn S chung sống với nhau vào năm 1999 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận chị Võ Bích Ph và anh Phan Văn S là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Võ Bích Ph xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Phan Tiểu Ph2, sinh ngày 17-11-2000 và Phan Thành Tr, sinh ngày 16-7-2005, hiện nay cháu Ph2 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu Tr từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay con sống chung với chị. Tại phiên tòa hôm nay chị Võ Bích Ph yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. HĐXX nhận định từ khi chị Ph và anh S sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay cháu Tr đều do chị Ph chăm sóc nuôi dưỡng, do đó căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, cần tiếp tục giao cháu Tr cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của con, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Ph về quyền yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị Ph xác

định không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con và việc chị Ph không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặc của con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị Võ Bích Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Võ Bích Ph cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Ph phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Bích Ph và anh Phan Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Thành Tr, sinh ngày 16-7-2005 cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyên vọng của con). Chị Ph không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Phan Văn S có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Bích Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Võ Bích Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Võ Bích Ph phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Ph được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002209 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh K; chị Ph không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Chị Võ Bích Ph có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.